TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2026
"V/v Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Nhàn và bà Lê Thị Cần.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – G.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Nhuần - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2026/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 18/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc K, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Đặng Ngọc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, giữa ông K và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù ông K và bà L còn sống chung một nhà nhưng vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau, vợ chồng sinh hoạt, ăn uống riêng đã nhiều năm nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn nên ông K đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Ông K và bà L có 04 con chung tên: Đặng Thị Hương, sinh năm 1990; Đặng Xuân Khả, sinh năm 1991; Đặng Thị Hảo, sinh năm 1995; Đặng Đình Khải, sinh năm 2005.

Các con đều đã thành niên và tự lập được nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Ngọc K có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, giữa bà và ông K phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn, ông K đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông K là vợ chồng thì bà cũng Nhất trí.

Về con chung: Bà L và ông K có 04 con chung tên: Đặng Thị Hương, sinh năm 1990; Đặng Xuân Khả, sinh năm 1991; Đặng Thị Hảo, sinh năm 1995; Đặng Đình Khải, sinh năm 2005.

Các con đều đã thành niên và tự lập được nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông K yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L, yêu cầu này của ông K là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông K và bà L có 04 con chung tên: Đặng Thị Hương, sinh năm 1990; Đặng Xuân Khả, sinh năm 1991; Đặng Thị Hảo, sinh năm 1995; Đặng Đình Khải, sinh năm 2005. Cả 04 con đều đã thành niên và tự lập được, ông K và bà L đều không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đặng Ngọc K khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại thôn Ia Lâm, xã Ia Krêl, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - G theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm b Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa ông K và bà L không được pháp luật công nhận, không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông K đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà L là có căn cứ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông K, tuyên bố không công nhận ông Đặng Ngọc K

và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Về con chung: Ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L đều thừa nhận vợ chồng có 04 con chung tên: Đặng Thị Hương, sinh năm 1990; Đặng Xuân Khả, sinh năm 1991; Đặng Thị Hảo, sinh năm 1995; Đặng Đình Khải, sinh năm 2005. Cả 04 con đều đã thành niên và tự lập được, ông K và bà L đều không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Đặng Ngọc K là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b Mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc K.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Ngọc K và bà Nguyễn Thị L.

2. Về án phí: Buộc ông Đặng Ngọc K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005237, ngày 22/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Ông K đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt